

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 09- 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Ông Lê Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: - Bà Phạm Thị Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2020 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/08/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST- HNGĐ ngày 10/09/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991; (xin xét xử vắng mặt).

ĐKKH: Thôn T, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P thường xuyên chơi bời cờ bạc, không chăm lo cho cuộc sống vợ con và xây dựng kinh tế gia đình. Chị và anh P đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Nguyễn Khả N, sinh ngày 14/8/2016 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 18/8/2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin nuôi con Khả N, anh P nuôi con Khả H; hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh P không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng anh P không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của gia đình anh P: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P là đối tượng nghi nghiện ma túy tại địa phương, không chịu làm ăn, thường xuyên chơi bời. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra mẹ đẻ anh P trình bày: Hiện nay anh P đi làm thỉnh thoảng mới về nhà, gia đình đã thông báo cho anh P nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án, anh P ý kiến chị T xin ly hôn là việc của chị T, anh từ chối đến Tòa làm việc. Về con chung vợ chồng anh có 02 con chung như chị T trình bày, anh nhất trí chị T nuôi cháu N, anh nuôi cháu H và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp gia đình hai bên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị T ly hôn anh Nguyễn

Đức P. Về con chung: Giao chị T nuôi con Nguyễn Khả N; anh P nuôi con Nguyễn Khả H, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh P tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần nhưng anh P không đến Tòa làm việc.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, chị T, anh P sống hạnh phúc khoảng vài năm thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh P không tu chí làm ăn và không lo cho cuộc sống vợ con, thường xuyên chơi bời vợ chồng đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh P, kiên quyết xin ly hôn. Thông qua gia đình anh P biết việc chị T làm đơn xin ly hôn nhưng nhiều lần Tòa án triệu tập không đến Tòa, không có quan điểm gửi cho Tòa án biết ý kiến của mình. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T, anh P ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung :* Vợ chồng chị T, anh P có 02 con chung là Nguyễn Khả N, sinh ngày 14/8/2016 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 18/8/2018. Chị T có nguyện vọng xin nuôi 01 con là Khả N, anh P nuôi 01 con là Khả H, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Thông qua gia đình nắm bắt nguyện vọng của anh P nhất trí nguyện vọng của chị T nên cần chấp nhận đề nghị về con chung của đương sự. Giao con Nguyễn Khả N cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Khả H cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức P.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Khả N, sinh ngày 14/8/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyễn Khả H, sinh ngày 18/8/2018 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng; kể từ tháng 9/2020 đến khi các con chung thành niên. Chị T, anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Đức P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001904 ngày 22/07/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng